

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Túy Phượng
- Ông Huỳnh Văn Thúc

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An tham gia phiên tòa:
Bà Mai Thị Năm - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2025, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 664/2024/TLST-DS ngày 21 tháng 11 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2025/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 02 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 86/2025/QĐST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S; trụ sở: 266 – B N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh T, sinh năm: 1973 là nhân viên công ty TNHH MTV quản lý nợ và khai thác tài sản ngân hàng S (Theo giấy ủy quyền ngày 27/08/2024), có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Bị đơn: Ông Bùi Đình Minh K, sinh năm 1988; địa chỉ: 3 khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông Nguyễn Minh T trình bày:

Ngày 20/08/2019 ông K có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Căn cứ thu nhập của ông K Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân, loại thẻ JCB JSpeedy Cre Classic Phi RTM, số thẻ 356480-8865, hạn mức 10.000.000 đồng, ngày cấp thẻ 22/08/2019, lãi suất áp dụng 2,6%. Sau khi được cấp thẻ tín dụng ông K đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 114.640.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông K đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 112.714.000 đồng. Qua nhiều lần làm việc nhắc nhở nhưng ông K vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông K vi phạm nghĩa vụ thanh toán tại điều 2 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Ngày 23/08/2022 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn điều 23 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Tính đến ngày 03/4/2025 ông K còn nợ tổng số tiền 25.728.724 đồng, trong đó nợ gốc là 11.478.214 đồng, nợ lãi quá hạn 14.250.510 đồng. Số tiền lãi quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc **11.478.214 đồng** với lãi suất quá hạn là 3.9%/tháng (lãi quá hạn 2.6%*150%) từ ngày ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn cho đến hiện tại. Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu Ông có trách nhiệm thanh toán tuy nhiên ông K vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như sau

Buộc ông Bùi Đình Minh K phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 03/4/2025 là 25.728.724 đồng, trong đó nợ gốc là 11.478.214 đồng, nợ lãi quá hạn 14.250.510 đồng.

- Ông Bùi Đình Minh K có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 04/4/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp gồm: Tóm tắt sao kê (bản pho to); giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân (bản pho to); sổ hộ khẩu (bản pho to); căn cước công dân (bản pho to); quyết định (bản pho to); giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh (bản pho to); giầu ủy quyền (bản chính).

Bị đơn – ông Bùi Đình Minh K đã được Tòa án thông báo và tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại các Điều 177; Điều 208; Điều 220; Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng ông K không đến Tòa án làm việc và vắng mặt tại phiên tòa.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Riêng bị đơn không chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về nợ gốc và nợ lãi là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Bùi Đình Minh K tranh chấp hợp đồng tín dụng. Xét đây là vụ án tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án thông báo và tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông Bùi Đình Minh K theo đúng quy định tại các Điều 177; Điều 208; Điều 220; Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự không đến Tòa án làm việc và vắng mặt tại phiên tòa. Việc vắng mặt của các đương sự trong quá trình tố tụng được xem là từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

[3] Nội dung vụ án:

Ngày 20/08/2019 ông K có ký với Ngân hàng TMCP S Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, hạn mức tín dụng là 10.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân, loại thẻ JCB JSpeedy Cre Classic Phi RTM, số thẻ 356480-8865, hạn mức 10.000.000 đồng, ngày cấp thẻ 22/08/2019, lãi suất áp dụng 2,6%. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng ông K đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 114.640.000 đồng. Trong quá trình sử dụng

thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông K đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 112.714.000 đồng. Xét thấy ngân hàng cung cấp 01 bản sao giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và 01 bản tóm tắt sao kê thẻ hiện nợ gốc tạm tính đến 03/4/2025 ông K còn nợ tổng số tiền 25.728.724 đồng, trong đó nợ gốc là 11.478.214 đồng, nợ lãi quá hạn 14.250.510 đồng.

Kể từ ngày 04/4/2025 tiếp theo thì ông K cũng phải tiếp tục thanh toán tiền lãi được quy định tại “Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng” ngày 20/8/2019 là phù hợp theo thỏa thuận các bên và quy định của pháp luật.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông K phải chịu án phí đối với yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2005;

- Điều 91, 95, 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Ngân hàng TMCP S đối với bị đơn - ông Bùi Đình Minh K về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Buộc ông Bùi Đình Minh K trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tính đến ngày 03/4/2025 là 25.728.724 đồng (Hai mươi lăm triệu, bảy trăm hai mươi tám ngàn, bảy trăm hai mươi bốn đồng), trong đó nợ gốc là 11.478.214 đồng (Mười một triệu, bốn trăm bảy mươi tám ngàn, hai trăm mười bốn đồng), nợ lãi quá hạn 14.250.510 đồng (Mười bốn triệu, hai trăm năm mươi ngàn, năm trăm mười ngàn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 04/4/2025 ông Bùi Đình Minh K còn phải tiếp tục chịu các khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi

suất các bên đã thỏa thuận trong “Giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng” ngày 20/8/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Bùi Đình Minh K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.286.436 đồng (Một triệu, hai trăm tám mươi sáu đồng, bốn trăm ba mươi sáu đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền 548.836 đồng (Năm trăm bốn mươi tám ngàn, tám trăm ba mươi sáu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0005403 ngày 11 tháng 11 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị N

